

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác khuyến nông
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ về Khuyến nông;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP 12 tháng 6 năm 2025 của Chính
phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp xã;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của
Bộ nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông
cấp tỉnh, cấp xã;*

*Căn cứ Công văn số 145/BCĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Ban chỉ
đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính
quyền địa phương 02 cấp về việc kiện toàn hệ thống tổ chức thực hiện nhiệm vụ
khuyến nông ở địa phương;*

*Căn cứ Công văn số 10120/BNNMT-KN ngày 09 tháng 12 năm 2025 của
Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn nội dung Quy chế phối hợp
công tác khuyến nông;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
51/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 01 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản trích dẫn trong Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh; Thủ trưởng các

đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Lưu: VT, NNMT (QH.05b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đối tượng, mục đích, nguyên tắc, nội dung, phương thức phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông, các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây được gọi là UBND cấp xã); Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc UBND cấp xã (sau đây được gọi là Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cấp xã).
- Viên chức khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Mục đích phối hợp

- Bảo đảm sự thống nhất trong quản lý, chỉ đạo, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh; phát huy vai trò chủ động, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác khuyến nông; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác khuyến nông phục vụ phát triển nông nghiệp, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.
- Huy động, phối hợp, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực và tăng cường sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về khuyến nông và quy định pháp luật hiện hành; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị được pháp luật quy định.

2. Nội dung, nhiệm vụ thuộc phạm vi của cơ quan, đơn vị nào thì cơ quan, đơn vị đó chủ trì, chủ động đề xuất với cơ quan, đơn vị khác để cùng phối hợp giải quyết; đảm bảo công việc được xử lý kịp thời, hiệu quả.

3. Thường xuyên phối hợp, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và triển khai các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Khi cần phối hợp giải quyết các nhiệm vụ khuyến nông thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý, Sở Nông nghiệp và Môi trường ủy quyền cho Trung tâm Khuyến nông chủ trì làm việc (hoặc xin ý kiến bằng văn bản) với các đơn vị thuộc Sở và UBND cấp xã có liên quan để cùng thống nhất giải quyết.

2. Khi cần phối hợp giải quyết các nhiệm vụ khuyến nông thuộc phạm vi cấp xã quản lý, UBND cấp xã chủ trì làm việc (hoặc xin ý kiến bằng văn bản) với Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có liên quan để cùng thống nhất giải quyết.

3. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, Trung tâm Khuyến nông tổ chức họp giao ban với lãnh đạo Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cấp xã và viên chức khuyến nông cấp xã để chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và nắm bắt các vấn đề mới phát sinh trong hoạt động khuyến nông.

4. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hoặc ủy quyền cho Trung tâm chủ trì thành lập các đoàn/tổ công tác để hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ cấp xã thực hiện công tác khuyến nông.

Chương II NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 6. Phối hợp trong công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động khuyến nông

1. Triển khai thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp và khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

3. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các hoạt động khuyến nông triển khai trên địa bàn tỉnh.

4. Theo dõi, đánh giá hiệu quả công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh và đề xuất điều chỉnh kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất.

Điều 7. Phối hợp trong công tác triển khai các nhiệm vụ khuyến nông

1. Xây dựng các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn

bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức, thành viên Hợp tác xã, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng, nông dân... về các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.

3. Thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, tổ chức sự kiện, biên soạn, phát hành tài liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu khuyến nông.

4. Thực hiện mô hình trình diễn ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, sản xuất nông nghiệp tốt, hữu cơ, mô hình liên kết chuỗi, tuần hoàn,...

5. Nghiên cứu, khảo nghiệm, thử nghiệm và đánh giá hiệu quả của các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, giải pháp trước khi ứng dụng, chuyển giao vào sản xuất.

6. Chuyển giao công nghệ, tổ chức lại sản xuất, liên kết chuỗi giá trị, hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn phục vụ chế biến, xuất khẩu.

Điều 8. Phối hợp trong công tác phòng trừ dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai.

1. Nắm bắt thông tin để hướng dẫn, tuyên truyền các giải pháp phòng, chống, khôi phục sản xuất do thiên tai, thời tiết cực đoan đối với sản xuất nông nghiệp, thủy sản.

2. Huy động, điều động cán bộ, viên chức, người lao động của các đơn vị có liên quan tham gia công tác điều tra phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản khi có yêu cầu, đảm bảo hiệu quả, đúng chức năng nhiệm vụ và đúng quy định hiện hành.

Điều 9. Chia sẻ thông tin

1. Thiết lập kênh chia sẻ thông tin và có ý kiến trao đổi, phản hồi giữa các cơ quan, đơn vị về chính sách, pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, hoạt động khuyến nông, sản xuất, dịch bệnh, môi trường để đảm bảo công tác phối hợp đạt hiệu quả.

2. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp, dịch bệnh, thiên tai, các chỉ số kỹ thuật quan trọng phục vụ sản xuất nông nghiệp và hoạt động khuyến nông.

Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 10. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông triển khai thực hiện hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khuyến nông.

2. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị trực thuộc Sở phối hợp với UBND cấp xã, các đơn vị có liên quan thực hiện công tác khuyến nông tại các địa phương.

3. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Trung tâm Khuyến nông tỉnh

1. Tham mưu, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến nông, chế độ đãi ngộ đối với cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.

2. Chủ trì xây dựng chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Tham gia triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp, theo dõi, giám sát, phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản, khắc phục hậu quả sau thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo phân công của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Phối hợp với UBND cấp xã trong công tác quản lý, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

5. Hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; điều phối, đôn đốc, hỗ trợ công tác khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.

Điều 12. Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông theo lĩnh vực, phạm vi quản lý.

2. Tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và các chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, ... Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

3. Hướng dẫn UBND cấp xã trong công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản tại cơ sở theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chia sẻ thông tin về phòng chống dịch bệnh và đề xuất giải pháp hiệu quả, kịp thời. Chủ động giải quyết các khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực quản lý.

Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Bố trí nhân sự viên chức khuyến nông cấp xã đảm bảo đủ số lượng và phân công thực hiện nhiệm vụ khuyến nông cấp xã theo đúng quy định tại Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về khuyến nông trên địa bàn xã.

3. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc về lĩnh vực khuyến nông, chủ động giải quyết theo thẩm quyền, quy định; hoặc đề xuất, kiến nghị đến cấp thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định (nếu vượt thẩm quyền).

Điều 14. Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cấp xã

1. Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn khi được cấp có thẩm quyền giao; tuân thủ sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm Khuyến nông cấp tỉnh trong hoạt động khuyến nông.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông cấp xã hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển cộng đồng, du lịch nông thôn, sản phẩm OCOP nhằm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp tại địa phương để trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, tham gia các nhiệm vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, bảo vệ môi trường tại địa phương. Kịp thời tháo gỡ, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc báo cáo, đề xuất các nội dung vượt thẩm quyền.

4. Định hướng hoạt động khuyến nông của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn (tổ khuyến nông cộng đồng, hợp tác xã, doanh nghiệp...) để hỗ trợ người dân trên địa bàn xã phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương; tham gia phòng, chống hàng gian, hàng giả trong sản xuất và lưu thông sản phẩm nông sản trên địa bàn xã.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Chế độ thông tin báo cáo

1. Định kỳ hàng quý, năm (trước ngày 25 cuối quý, năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cấp xã tổng hợp, báo cáo UBND cấp xã và Trung tâm Khuyến nông về tình hình hoạt động khuyến nông và sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

2. Hàng năm, Trung tâm Khuyến nông phối hợp tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá; tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và gửi các đơn vị trực thuộc Sở biết, phối hợp công tác.

3. Khi phát hiện thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và các vấn đề phát sinh tại cơ sở có liên quan, Trung tâm cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cấp xã báo cáo ngay với UBND cấp xã và các đơn vị trực thuộc Sở có liên quan để xử lý kịp thời.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông, các đơn vị trực thuộc Sở, UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp chỉ đạo, tổ chức triển khai

thực hiện đúng các nội dung tại Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc hoặc cần bổ sung, sửa đổi Quy chế, các địa phương, đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Trung tâm Khuyến nông), UBND cấp xã để chủ động xem xét, giải quyết hoặc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo quy định./.